

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Là
- Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Hải Hoa - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 về việc “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh ngày 11/9/1983, căn cước công dân số 031183002843; nơi cư trú: Thôn P, xã A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh ngày 04/01/1981, căn cước công dân số 031081002679; nơi cư trú: Thôn P, xã A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Bùi Văn T trên cơ sở hai bên đều tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (trước đây là xã T, huyện A), thành phố Hải Phòng số 06/2002 ngày 22/3/2002. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại A, Hải phòng. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận, vui vẻ với nhau được đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống

vợ chồng không có hạnh phúc, anh T, không quan tâm đến vợ con, cờ bạc, nợ lẩn, nhiều lần xảy ra tranh cãi và bất hòa với nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng nghiêm trọng. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, chị đã tìm nhiều cách khắc phục nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng và căng thẳng hơn. Từ năm 2025 do mâu thuẫn nghiêm trọng nên chị và anh T sống ly thân cho đến nay, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng hai bên không thể khắc phục đoàn tụ, hôn nhân không còn hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn T. Việc anh T đề nghị Tòa án hòa giải để hai bên đoàn tụ chị không đồng ý và từ chối hòa giải với anh T.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn T có 01 con chung là Bùi Thị H1, sinh ngày 22/01/2003. Do con chung đã trưởng thành chị không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh Bùi Văn T trình bày:

Anh và chị Trần Thị Hòa kết H2 tự nguyện có đăng ký tại UBND xã A (trước đây là xã T, huyện A), thành phố Hải Phòng số 06/2002 ngày 22/3/2002. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2025 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh mãi chơi ít quan tâm đến vợ con. Việc chị H xin ly hôn anh không đồng ý do anh còn tình cảm vợ chồng với chị H. Đề nghị Tòa án hòa giải để hai bên đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị H có 01 con chung là Bùi Thị H1, sinh ngày 22/01/2003. Do con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T. Về con chung, tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Trần Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Văn T có nơi cư trú: Xã A, thành phố Hải Phòng, chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (trước đây là xã T, huyện A),

thành phố Hải Phòng số 06/2002 ngày 22/3/2002. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc vắng mặt của Chị Trần Thị H: Tại phiên tòa chị H vắng mặt, có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Trần Thị H và anh Bùi Văn T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện quá trình chung sống hai bên không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T. Anh T không đồng ý ly hôn với chị H do anh còn tình cảm với chị H, đề nghị Tòa án hòa giải cho hai bên đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị H và anh T nhưng không có kết quả chị H không đồng ý quay về chung sống đoàn tụ và từ chối hòa giải với anh T.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân. Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Bùi Văn T có 01 con chung Bùi Thị H1, sinh ngày 22/01/2003. Do con chung đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Bùi Văn T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H và anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T.
2. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Bùi Văn T có 01 con chung Bùi Thị H1, sinh ngày 22/01/2003. Do con chung đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Bùi Văn T không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
5. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ly hôn chị H đã nộp (biên lai thu tiền số 0003201 ngày 25/03/2026) tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2-Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Trường Thành, huyện An Lão, Hải Phòng (nay là xã An Trường, ĐKKH số 06/2002);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương